

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH Đ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh P

Bản án số: 26/2023/HS-ST

Ngày: 16-6-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh H.

Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Ông Huỳnh P Ba
2. Ông Nguyễn Minh Đây

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Minh - Thư ký Toà án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Cao Hoàng Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: La Thanh T1 sinh năm 1979, tại tỉnh Đ; Nơi thường trú: khóm P Hòa, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện T, tỉnh Đ; Nơi ở hiện nay: ấp Tân P, xã An Nhơn, huyện T, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: tài xế; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: không; Con ông: La Thanh Đồng, sinh năm 1955 và bà: Võ Thị Cúc, sinh năm 1955; Vợ: Trương Thị Hồng Thắm, sinh năm 1988; Con: có 02 người, đứa lớn sinh năm 2006, đứa nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: ngày 18/8/2014 bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phạt 07 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/7/2018. Tạm giữ ngày 04/02/2023, chuyển tạm giam ngày 13/02/2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện T.

2. Họ và tên: Trần Thanh L; Tên gọi khác: Lâm; Sinh năm 1987, tại tỉnh Đ; Nơi thường trú: ấp An Ninh, xã An Khánh, huyện T, tỉnh Đ; Nơi ở hiện nay: ấp An P, xã An Nhơn, huyện T, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: bán vé số; Trình độ học vấn: không biết chữ; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: không; Con ông: Trần Văn Mèo (đã chết) và bà: Trương Thị Bảy (đã chết); Vợ: Bùi Thị Ngọc Hương, sinh năm 1991; Con: có 04 người, đứa lớn nhất sinh năm 2009, đứa nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 19/5/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/5/2008. Ngày 23/3/2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đ xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/8/2010.

Ngày 09/8/2012 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đ xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/02/2013; Tạm giữ ngày 04/02/2023, trả tự do ngày 13/02/2023; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 13/02/2023.

3. Họ và tên: Trần Thanh K sinh ngày 12/5/2005, tại tỉnh Đ; Nơi thường trú: ấp An P, xã An Nhơn, huyện T, tỉnh Đ; Nơi ở hiện nay: ấp Tân Thạnh, xã An Nhơn, huyện T, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: không có; Trình độ học vấn: 05/12; Con ông Trần Văn Hận, sinh năm 1978 và bà: Trần Thị Kim Trang, sinh năm 1981; Vợ: Trần Thị Tuyết Anh, sinh năm 2005; Con: Trần Ngọc Tường Vy, sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ ngày 04/02/2023, trả tự do ngày 13/02/2023. Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 13/02/2023.

Người diện hợp pháp cho bị cáo K: Bà Trần Thị Kim Trang, sinh năm 1981; Cư trú: ấp Tân Thạnh, xã An Nhơn, huyện T, tỉnh Đ

Người bào chữa cho bị cáo K: Ông Hà Văn N, Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ;

4. Họ và tên: Lê Minh T sinh năm 1986, tại tỉnh Tiền Giang; Nơi thường trú: ấp Thống, xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang; Nơi ở hiện nay: ấp An P, xã An Nhơn, huyện T, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: mua phế liệu; Trình độ học vấn: 01/12; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: không; Con ông: Lê Văn Minh (đã chết) và bà: Lê Thị Nho; Vợ: Nguyễn Thị Lệ, sinh năm 1982; Con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ ngày 06/02/2023, trả tự do ngày 13/02/2023; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 13/02/2023; Bị cáo Lê Minh T thuộc diện hộ nghèo.

Người bào chữa cho bị cáo T: Ông Hà Văn N, Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ;

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa;

Người bị hại: Anh Tống Minh P, sinh năm 1986. Cư trú: ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện T, tỉnh Đ; (có mặt)

Người Làm chứng: 1/ Ông Lê Văn Đ sinh năm 1969; Cư trú: ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện T, tỉnh Đ; (vắng mặt)

2/ Ông Lê Văn H sinh năm 1950; Cư trú: ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện T, tỉnh Đ; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ, ngày 03/02/2023, La Thanh T1, Trần Thanh K và Lê Minh T đến nhà của Trần Thanh L, sinh năm 1987, ngụ ấp An P, xã An Nhơn, huyện T, tỉnh Đ để cùng nhau bàn bạc đi lấy trộm mai để bán lấy tiền tiêu xài. Lúc này L rủ đi lấy trộm cây mai tại cửa hàng bán phân bón đầu trâu cách nhà L khoảng 02km thì được T1, K và T đồng ý. Lúc này, T1 điều khiển xe mô tô biển số 59X1-155.40 chở T, còn K điều khiển xe mô tô biển số 67H7-6413 chở L. Khi đi đến cửa hàng bán phân bón đầu trâu thì cả nhóm thấy cây mai nhỏ, đã được dùng dây xích khóa lại và có camera giám sát phía trước nên không lấy được. Lúc này, T1 rủ chạy vô hướng cầu Bằng Lăng để tìm mai lấy trộm thì cả nhóm đồng ý và tiếp tục điều khiển xe chạy đến đoạn đường nhựa thuộc ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện T, tỉnh Đ thì T1 thấy cây mai vàng có kích thước cao 163cm, hoành gốc 72cm, hoành ngọn 17,5cm, đường kính tán cây 70cm của anh Tống Minh P, sinh năm 1986 được trồng trong chậu gần dốc cầu, cặp bờ sông nên T1 điều khiển xe chạy qua cầu rồi dừng lại bảo T và L đi bộ lại nhổ cây mai khiêng xuống dốc cầu thì vượt tay rút xuống mặt cầu, thấy vậy K đi lại phụ khiêng cây mai để lên yên xe của T1. Sau đó T1 lấy ra 02 sợi dây trên xe rồi cùng K buộc cây mai vào yên xe để T1 chở cây mai đi, còn T chở K và L chạy theo phía sau. Lúc này anh Lê Văn Đ nhà ở gần đó phát hiện nên đã báo cho anh P biết, anh P điện thoại báo Công an xã Hòa Tân và phối hợp với anh Đ cùng người dân tổ chức truy bắt các đối tượng. Khi T1 chở cây mai chạy đến địa bàn thuộc ấp An Hòa, xã An Khánh, huyện T, tỉnh Đ thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang, thấy T1 bị bắt nên T điều khiển xe quay trở lại theo đường cũ, do bị ngã xe nên K điều khiển xe chở L và T. Khi đến đoạn đường lấy trộm cây mai thì K bị anh P và người dân chặn đường bắt giữ lại, còn T và L nhảy xuống xe chạy thoát. Đến 15 giờ 30 Pt ngày 04/02/2023 và ngày 06/02/2023, lần lượt L và T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Đ để đầu thú;

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tạm giữ: cây mai vàng có kích thước cao 163cm, hoành gốc 72cm, hoành ngọn 17,5cm, đường kính tán cây 70cm; 02 sợi dây màu xanh (loại dây băng hàng hóa); 01 xe mô tô biển số 59X1-

155.40; 01 giấy đăng ký xe số 011970 mang tên Lê Quang T1; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A23 màu đen; 01 ví da màu nâu; 01 ná thun, 03 viên đá xanh; 01 đèn pin màu trắng và số tiền Việt N 12.650.000 đồng.

- Tạm giữ của Trần Thanh K 01 xe mô tô biển số 67H7-6413, 01 điện thoại di động hiệu ITEL màu xám, loại phím bấm;

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 16/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: cây mai vàng kích thước cao 163cm, hoành gốc 72cm, hoành ngọn 17,5cm, đường kính tán cây 70cm có giá trị là 24.750.000 đồng;

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trao trả: cho anh Tống Minh P cây mai vàng có kích thước cao 163cm, hoành gốc 72cm, hoành ngọn 17,5cm, đường kính tán cây 70cm; Trần Thanh K 01 điện thoại di động hiệu ITEL màu xám, loại phím bấm; La Quang T1 01 ví da màu nâu, 01 đèn pin màu trắng, 01 ná thun, 03 viên đá xanh; anh Lê Quang T1 01 xe mô tô biển số 59X1-155.40 và giấy chứng nhận đăng ký xe số 011970 và chị Trương Thị Hồng Thắm 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A23 màu đen;

Về trách nhiệm dân sự: anh Tống Minh P đã nhận lại cây mai vàng xong và không có yêu cầu gì thêm;

Đối với xe mô tô biển số 67H7-6413 mà bị cáo Trần Thanh K sử dụng là của anh Trịnh Hoàng Phương, ngụ Tổ 8 - Mỹ Thiện - P Mỹ - Châu P - An Giang đứng tên chủ sở hữu. Chị Trần Thị Tuyết Anh vợ của K trình bày mua xe lại của người khác, khi mua không có làm thủ tục sang tên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Đ có công văn gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu P, tỉnh An Giang để hỗ trợ xác minh thông tin đối với chủ xe là anh Phương, nhưng đến nay chưa có kết quả. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tách riêng tiếp tục xác minh làm rõ, để xử lý sau;

Đối với việc La Thanh T1 có hành vi cho các bị cáo Trần Thanh K, Trần Thanh L và Lê Minh T vay tiền trả góp. Tuy nhiên số tiền cho vay ít, thu lợi bất chính chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Đ đã chuyển hồ sơ có liên quan, kèm theo số tiền 12.650.000 đồng đến Cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý vi phạm hành chính theo quy định;

Tại Cáo trạng số: 30/CT-VKS-CT ngày 28/4/2023, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo La Thanh T1, Trần Thanh L, Trần Thanh K và Lê Minh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T trong phần tranh luận giữ nguyên cáo trạng truy tố:

- Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo La Thanh T1 về tội “Trộm cắp tài sản” với mức án tù 15 tháng đến 18 tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Thanh L về tội “Trộm cắp tài sản” với mức án tù 12 tháng đến 15 tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Thanh K về tội “Trộm cắp tài sản” với mức án tù 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lê Minh T về tội “Trộm cắp tài sản” với mức án tù 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng;

Về trách nhiệm dân sự: Đã nhận lại tài sản xong không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập đến.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu hủy bỏ 02 sợi dây màu xanh là công cụ dùng vào việc phạm tội;

Người bào chữa cho bị cáo K, ông Hà Văn N thống nhất bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện T về tội danh, điều luật áp dụng, ông N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, hoàn cảnh gia đình của bị cáo K khó khăn phải đi bắt ốc, bị cáo mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội một phần cũng do thiếu sự quan T chăm sóc của gia đình, bị cáo khi phạm tội là người chưa thành niên, nhận thức pháp luật còn hạn chế, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa là cần thiết;

Người bào chữa cho bị cáo T, ông Hà Văn N thống nhất bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện T về tội danh, điều luật áp dụng, ông N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, hoàn cảnh gia đình của bị cáo T thuộc diện hộ nghèo, bị cáo mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo trình văn hóa thấp nhận thức pháp luật còn hạn chế, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa là cần thiết;

Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Qua điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan T1 hành tố tụng, người T1 hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T1 hành tố tụng, người T1 hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai người bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua đó có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 23 giờ, ngày 03/02/2023, La Thanh T1, Trần Thanh K, Lê Minh T và Trần Thanh L cùng nhau bàn bạc đi lấy trộm mai về bán lấy tiền tiêu xài thì cả nhóm đồng ý. T1 điều khiển xe mô tô biển số 59X1-155.40 chở T, còn K điều khiển xe mô tô biển số 67H7-6413 chở L đến cửa hàng bán phân bón đầu trâu cách nhà L khoảng 02km thì thấy cây mai nhỏ, đã được dùng dây xích khóa lại và có camera giám sát phía trước nên không lấy được. Lúc này, T1 rủ chạy vô hướng cầu Bằng Lăng để tìm mai lấy trộm và cả nhóm chạy đến địa phận thuộc ấp Hòa Bình, xã Hòa Tân, huyện T thì phát hiện cây mai vàng có kích thước cao 163cm, hoành gốc 72cm, hoành ngọn 17,5cm, đường kính tán cây 70cm của anh Tổng Minh P, được trồng trước cửa nhà trong chậu gần dốc cầu, cặp bờ sông nên nhỏ trộm, tài sản có giá trị là 24.750.000 đồng. Đến 00 giờ 20 Pt ngày 04/02/2023 thì bị người dân phát hiện phối hợp với Công an xã Hòa Tân bắt quả tang T1 và K cùng tang vật. Đến 15 giờ 30 Pt ngày 04/02/2023 và ngày 06/02/2023, lần lượt L và T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Đ để đầu thú.

Hành vi của bị cáo La Thanh T1, Trần Thanh L, Trần Thanh K và Lê Minh T có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn không có phân công vai trò cụ thể mà tự bàn bạc cùng thống nhất đi trộm tài sản về bán lấy tiền trả nợ cho bị cáo T1 và tiêu xài, các bị cáo La Thanh T1, Trần Thanh L, Trần Thanh K và Lê Minh T có đầy

đủ sức khỏe, không lo lao động tạo thu nhập nuôi sống bản thân, tu dưỡng để trở thành người công dân tốt, khi muốn có tiền để trả hóp cho bị cáo T1 và tiêu xài để cho bản thân mà không cần phải lao động, các bị cáo có hành vi lén lút, liêu lĩnh bất chấp hậu quả chiếm đoạt tài sản của người khác, lợi dụng đêm khuya không có người trông coi tài sản, các bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh P. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người bị hại một cách trái pháp luật, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương. Trong vụ án này hơn ai hết là bị cáo T1 và bị cáo L đã có tiền án về hành vi chiếm chiếm đoạt tài sản đã được cải tạo giáo dục nhưng không thấy đó vi phạm pháp luật, do đó lần vi phạm này cần phải xử nghiêm đối với bị cáo T1 và bị cáo L cách ly ra khỏi xã hội một thời gian; Đối với bị cáo K và bị cáo T nhân thân chưa có tiền án, tiền sự và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần phải cách ly bị cáo K và T ra khỏi xã hội, giao bị cáo K và T về chính quyền địa phương phân công người giám sát giáo dục là đủ.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Trần Thanh K và Nguyễn Minh T Mới phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo La Thanh T1 và Trần Thanh L có tiết giảm nhẹ Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Sau khi bị phát hiện sự việc bị cáo T, L chạy thoát sau ra đầu thú, bị cáo T thuộc diện hộ nghèo, bị cáo K phạm tội là người chưa thành niên nên căn cứ điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ hình phạt cho từng bị cáo theo quy định pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[6] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ đã viện dẫn. Phát biểu luận tội của Kiểm sát viên và ý kiến của trợ giúp viên pháp lý nhà nước bào chữa cho bị cáo K và bị cáo T. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của kiểm sát viên và trợ giúp viên pháp lý nhà nước có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận,

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 02 sợi dây màu xanh (loại dây băng hàng hóa) là công cụ dùng vào việc phạm tội.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo La Thanh T1, Trần Thanh L, Trần Thanh K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Bị cáo Lê Minh T được miễn án phí hình sự sơ thẩm bị cáo thuộc hộ nghèo;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173 và Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tuyên bố: Bị cáo La Thanh T1, Trần Thanh L, Trần Thanh K và Lê Minh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, Điều 51, Điều 17; điểm đ khoản 1, Điều 32; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: bị cáo La Thanh T1 01 (Một) năm 03 (ba) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 04/02/2023;

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; điểm đ khoản 1, Điều 32; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: bị cáo Trần Thanh L 01 (Một) năm tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án; Được khấu trừ ngày tạm giữ 04/02/2023, trả tự do ngày 13/02/2023;

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, Điều 51, Điều 17; điểm đ khoản 1, Điều 32; Điều 38 Điều 91, Điều 101 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: bị cáo Trần Thanh K 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo; Thời hạn thử thách 12 tháng, thời gian thi hành tính từ ngày tuyên án;

Giao bị cáo K cho Ủy ban nhân dân xã An Nhơn, huyện T, phân công người giám sát giáo dục bị cáo K trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo K vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì bị cáo K có thể bị Tòa án buộc chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp phạm tội mới bị cáo phải bị tổng hợp hình phạt chung của bản án này và bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17 ; điểm đ khoản 1, Điều 32; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: bị cáo Lê Minh T 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo; Thời hạn thử thách 18 tháng, thời gian thi hành tính từ ngày tuyên án;

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang phân công người giám sát giáo dục bị cáo T trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo T vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì bị cáo T có thể bị Tòa án buộc chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp phạm tội mới bị cáo phải bị tổng hợp hình phạt chung của bản án này và bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

Tịch thu tiêu hủy: 02 sợi dây màu xanh (loại dây băng hàng hóa) là công cụ dùng vào việc phạm tội.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Buộc La Thanh T1, Trần Thanh L, Trần Thanh K mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo và người bị hại, người đại diện hợp pháp và người bào chữa được quyền kháng cáo lên Tòa án Nhân dân Tỉnh Đ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND huyện T;
- CA huyện T
- Bị cáo, bị hại;
- THADS huyện T;
- Sở tư pháp;
- Lưu;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh H